

Bản án số: 51/2024/HN&GD-ST

Ngày 16/5/2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Trịnh Tiến Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cần Thị T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **thôn K, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện H, Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa có mặt bị đơn anh **Nguyễn Văn T1**, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024, bản tự khai ngày 10/4/2024 và nội dung thể hiện trong Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị **Cần Thị T** thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị **T** và anh **Nguyễn Văn T1** kết hôn với nhau năm 2012, trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2014 thì hai bên mới đến **UBND xã K, huyện T,**

TP. để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **T1** chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **T1** vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị **T** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Văn T1**.

Về con: Chị **Cần Thị T** xác định vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Thị Hà L**, sinh ngày 17/9/2012 và **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 14/5/2014 (tên gọi khác **Nguyễn Thị Hồng N**). Nay ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản và công nợ: Chị **Cần Thị T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 10/4/2024 và lời trình bày tại phiên toà của bị đơn anh **Nguyễn Văn T1** thể hiện như sau:*

Về hôn nhân: Anh **T1** và chị **Cần Thị T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, huyện T, TP.** năm 2014 (vợ chồng anh đăng ký kết hôn chậm). Sau khi cưới thì vợ chồng hạnh phúc cho đến thời điểm chị **T** bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại **xã K, huyện T, TP.** là ngày 23/3/2024. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã về những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống, anh **T1** vẫn yêu vợ thương con và chăm sóc vợ con lúc đau yếu. Trong thời gian chị **T** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh **T1** vẫn nhắn tin và đến tận nhà bố mẹ chị **T** gặp mặt, khuyên bảo, động viên chị **T** về để chăm lo cho các con nhưng chị **T** vẫn không về. Nay chị **T** làm đơn ly hôn, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị **T** nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là **Nguyễn Thị Hà L**, sinh ngày 17/9/2012; **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 14/5/2014 (tên gọi khác **Nguyễn Thị Hồng N**) và cháu **Nguyễn Việt Đ**, sinh ngày 20/9/2021 (Đã chết ngày 21/9/2021). Nếu ly hôn thì nguyện vọng của anh **T1** là muốn được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh **Nguyễn Văn T1** không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 10/4/2024 của cháu **Nguyễn Thùy A** thể hiện:* Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố.

*Theo bản tự khai ngày 10/4/2024 của cháu **Nguyễn Thị Hà L** thể hiện:* Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố.

Theo biên bản xác minh ngày 26/4/2024 tại UBND xã H về tình trạng hôn nhân và con chưa thành niên thể hiện: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Cán Thị T kết hôn với nhau có Giấy chứng nhận kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng anh T1, chị T chủ yếu sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới về địa phương nên địa phương không xác định được vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không. Vợ chồng anh T1, chị T có 02 con chung và hiện nay các cháu đang sống cùng anh T1 và bố mẹ anh T1 tại thôn Đ, xã H, huyện H.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cán Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 17/9/2012 và Nguyễn Thùy A, sinh ngày 14/5/2014 (tên gọi khác Nguyễn Thị Hồng N) và cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 20/9/2021 (Đã chết ngày 21/9/2021). Hiện nay cháu Nguyễn Việt Đ đã chết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Hà L và cháu Nguyễn Thùy A đề nghị HĐXX giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị T mỗi tháng cấp dưỡng cho một cháu là 1.000.000đ, cả hai cháu là 2.000.000đ một tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên.

- Về tài sản và công nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng*: Chị **Cần Thị T** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Văn T1** và do hai cháu hiện nay đang ở cùng anh **T1** nên chị đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **T1** mỗi tháng 1.000.000đ trên một cháu. Cả hai cháu là 2.000.000đ trên tháng. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt chị **Cần Thị T**.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Cần Thị T** và anh **Nguyễn Văn T1** đều thừa nhận hai bên kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã xã K, huyện T, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 2014 như vậy hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị **Cần Thị T** sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 05 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T1** chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị không chịu đựng được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**. Anh **T1** lại cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, anh vẫn còn yêu vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Ngày 10/4/2024 Tòa án tiến hành phiên công khai chứng cứ và hoà giải. Mặc dù quan điểm về cuộc sống hôn nhân giữa anh **T1** và chị **T** là không thống nhất, nhưng thực tế giữa hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, bản thân chị **T** không thể chịu đựng được nữa và đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nữa điều đó thể hiện việc chị **T** không còn tình cảm với anh **T1**, nếu tiếp tục chung sống cũng không đạt được mục đích của hôn nhân mà chỉ làm khổ nhau thêm. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh **T1** và chị **T** đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên cần giải quyết cho chị **T** được ly hôn là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] *Về con*: Vợ chồng chị **Cần Thị T** và anh **Nguyễn Văn T1** có 03 con chung là **Nguyễn Thị Hà L**, sinh ngày 17/9/2012; **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 14/5/2014 (tên

gọi khác Nguyễn Thị Hồng N) và cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 20/9/2021 (Đã chết ngày 21/9/2021). Nguyên vọng của anh T1 là muốn được trực tiếp nuôi cả hai cháu, chị T đề nghị Toà án giao cả hai cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Thị Hà L và Nguyễn Thùy A là muốn được ở với bố. HĐXX xét thấy đối với cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 20/9/2021 (Đã chết ngày 21/9/2021) nên HĐXX không xem xét; đối với cháu Nguyễn Thị Hà L và Nguyễn Thùy A hiện nay đang sinh sống và học tập tại thôn Đ, xã H, huyện H, để tránh xáo trộn về cuộc sống của hai cháu cần nên chấp nhận nguyện vọng của anh T1 là giao hai cháu Nguyễn Thị Hà L và Nguyễn Thùy A cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của chị T và hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 cho mỗi cháu 1.000.000đ, cả hai cháu là 2.000.000đ một tháng. Mặc dù anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng đây là sự tự nguyện và cũng là nghĩa vụ của người mẹ đối với con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Cán Thị T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Cán Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho chị Cán Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Công nhận vợ chồng chị Cán Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 17/9/2012; Nguyễn Thùy A, sinh ngày 14/5/2014 (tên gọi khác Nguyễn Thị Hồng N) và cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 20/9/2021 (Đã chết ngày 21/9/2021).

Giao hai cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 17/9/2012 và Nguyễn Thùy A, sinh ngày 14/5/2014 (tên gọi khác Nguyễn Thị Hồng N) cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng chị T không được lạm dụng quyền thăm con để làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Cán Thị T về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Hà L và Nguyễn Thùy A mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật,

2. *Về án phí:* Chị Cán Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ đi 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003224 ngày 02/4/2024, chị T còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. *Về quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Cán Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- phiên tòa**
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã Kim Quan, huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa

Lường Thị Hoa